

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2020/HS-ST**

Ngày: 26/6/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

Ông Trần Đức Nhì.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L; Sinh ngày: 20/6/1997; Tại: Tỉnh An Giang; Thường trú: Ấp PH, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C và bà: Trần Thị T; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 28/01/2020.
(có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn HD SS; Địa chỉ: Lầu 8-9-10, Tòa nhà G - Số 24C đường PDL, Phường F, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Hữu N; Sinh năm: 1974 - Là Tổng giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy H; Sinh năm: 1994 - Là Chuyên viên Pháp lý tổ tụng của Công ty; Thường trú: Xã LX, huyện DD, tỉnh Lâm Đồng; Tạm trú: 24C đường PDL, Phường F, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có yêu cầu vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn C; Sinh năm: 1982; Thường trú: Ấp PH, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang; Chỗ ở: 388/10/31 BPD, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

3. Bà Trần Thị T; Sinh năm: 1981; Thường trú: Ấp PH, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang; Chỗ ở: 388/10/31 BPD, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 30 phút ngày 28/01/2020, tại trước nhà số 58 đường Văn Thân, Phường 8, Quận 6, lực lượng trinh sát hình sự Công an Quận 6 trên đường tuần tra phát hiện Nguyễn Văn L đang điều khiển xe gắn máy biển số 67K1-770.95 chở Lâm Quang Th có biểu hiện nghi vấn nên kiểm tra và đã thu giữ của L 04 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu, L khai đó là ma túy đá (02 gói thu giữ trong túi quần phía trước bên trái, 02 gói thu giữ trong một cái bóp màu đen để trong túi quần phía sau bên phải của L), nên đã giao L, Th cùng vật chứng nêu trên cho Cơ quan điều tra Công an Quận 6 giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn L khai: Khoảng 16 giờ ngày 28/01/2020, L điều khiển xe gắn máy biển số 67K1-770.95 qua khu vực đường Cây Sung, Phường 14, Quận 8 mua từ một người thanh niên (không rõ lai lịch) 04 gói ma túy đá giá 1.000.000 đồng để sử dụng. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, Lâm Quang Th điện thoại nhờ L chở về nhà ở đường Gia Phú, Quận 6, L đồng ý và chạy xe qua Phường 16, Quận 8 chở Th về, khi chạy đến trước nhà số 58 đường Văn Thân thì bị phát hiện bắt giữ như nêu trên.

Lâm Quang Th khai cũng tương tự và xác nhận không biết Nguyễn Văn L cất giữ ma túy trong người.

Tại Kết luận giám định số: 248/KLGD-H ngày 05 tháng 02 năm 2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Tinh thể không màu trong 04 gói nylon được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Lê Văn Đông (Điều tra viên), Danh Đạt (người chứng kiến), Nguyễn Văn L và hình dấu Công an Phường 8, Quận 6 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,9888g (không phải chín tám tám tám gam), loại Methamphetamine.

Đối với Lâm Quang Th, do không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Văn L, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn người thanh niên bán ma túy cho Nguyễn Văn L ở khu vực đường Cây Sung, Phường 14, Quận 8, Cơ quan điều tra không xác định được lai lịch.

Tại Cáo trạng số: 18/CT-VKS-Q6 ngày 23 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận chính bị cáo đã thực hiện hành vi mua 04 gói ma túy tổng hợp (loại ma túy đá) giá 1.000.000 đồng từ một

người thanh niên (không rõ lai lịch) ở khu vực đường Cây Sung, Phường 14, Quận 8 để dành sử dụng và bị Công an phát hiện bắt quả tang tại trước nhà số 58 đường Văn Thân, Phường 8, Quận 6 vào lúc 18 giờ 30 phút ngày 28/01/2020 như nội dung bản cáo trạng nêu;

Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T khai chiếc xe gắn máy biển số 67K1-770.95, số khung: RLCUE170KY-271866, số máy: E3T6E-402019 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius FI, sơn màu cam đen, dung tích 113) là xe của ông, bà mua cho con ông bà là bị cáo Nguyễn Văn L theo phương thức trả góp (thời gian 12 tháng, mỗi tháng góp 1.934.089 đồng) và để cho L đứng tên trên hợp đồng vay cũng như đứng tên đăng ký chủ xe. Sau khi mua xe, Lập chỉ thực hiện việc trả chỉ góp cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn HD SS được một tháng, còn lại hàng tháng ông, bà là người đứng ra trả góp cho Công ty tài chính và tính đến ngày 25/6/2020, ông, bà đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán cho phía công ty. Nay, ông C, bà T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho ông, bà được nhận lại chiếc xe gắn máy nói trên để khi Lập chấp hành xong hình phạt tù về thì L có chiếc xe làm phương tiện đi lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn L như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 02 năm đến 03 năm tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc xe gắn máy biển số 67K1-770.95, số khung: RLCUE170KY-271866, số máy: E3T6E-402019 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius FI, sơn màu cam đen, dung tích 113).

Tịch thu, tiêu hủy: 01 gói đã được niêm phong, bên ngoài có ghi vụ số: 248/20 Q6, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Nguyễn Xuân Sang và Điều tra viên Nguyễn Minh Tấn. Bên trong có tinh thể không màu có tổng khối lượng 0,8228 gam; 01 cái bóp cá nhân màu đen.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn L 01 chiếc điện thoại di động vỏ màu hồng trắng, có ghi chữ Oppo đã được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Nguyễn Minh Tấn (Điều tra viên), Nguyễn Văn L và hình dấu Cơ quan điều tra Công an Quận 6; 01 sim điện thoại có số seri: 8401180792217961 GD.

Lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Văn L nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Nguyễn Văn L tại phiên tòa là phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Kết luận giám định; lời khai của Lâm Quang Th và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn L đã cất giữ 0,9888 gam ma túy ở thể rắn (loại Methamphetamine) để sử dụng, là phạm tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy». Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L không những đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về việc cất giữ chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung.

Bị cáo Nguyễn Văn L là người đã trưởng thành, hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, nhưng để thỏa mãn lối sống không lành mạnh và nhất là xem thường pháp luật, nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn L là nghiêm trọng, bởi ma túy nói chung và Methamphetamine nói riêng là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy đã gây tác hại rất lớn và ảnh hưởng rất xấu đến sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập của chính người sử dụng và đây cũng chính là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu (chưa có tiền án - tiền sự), nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì bị cáo Nguyễn Văn L còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo phạm tội không vụ lợi, là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó

khẩn, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Việc xử lý vật chứng:

[5.1] Chiếc xe gắn máy biển số 67K1-770.95, số khung: RLCUE170KY-271866, số máy: E3T6E-402019 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius FI, sơn màu cam đen, dung tích 113) mà bị cáo Nguyễn Văn L sử dụng làm phương tiện phạm tội, là xe của bị cáo, do bị cáo đứng tên đăng ký chủ xe. Qua xác minh được biết, ngày 30/6/2019, bị cáo đứng tên vay tiền của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn HD SS để mua chiếc này theo phương thức trả góp (Hợp đồng tín dụng số: 2W014159461) và theo Thư xác nhận của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn HD SS thì tính đến ngày 25/6/2020 phía bị cáo đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán cho phía công ty, nên Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước chiếc xe theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[5.2] Còn việc ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T (cha, mẹ của bị cáo Nguyễn Văn L) yêu cầu được nhận lại chiếc xe gắn máy biển số 67K1-770.95, số khung: RLCUE170KY-271866, số máy: E3T6E-402019 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius FI, sơn màu cam đen, dung tích 113) vì cho rằng hàng tháng chính ông, bà là người đã đứng ra trả góp cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn HD SS. Như đã nhận định ở trên, chiếc xe này là xe của bị cáo Nguyễn Văn L, do bị cáo đứng tên đăng ký chủ xe và bị cáo đã sử dụng chiếc xe làm phương tiện phạm tội (tại phiên tòa, chính ông C, bà T cũng xác nhận chiếc xe gắn máy biển số 67K1-770.95 là xe của bị cáo và bị cáo được toàn quyền quyết định đối với chiếc xe này), nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông C, bà T mà phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Còn nếu ông C, bà T đòi số tiền mà ông, bà cho rằng đã đứng ra để thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn HD SS theo hợp đồng, thì ông, bà có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết ở vụ án dân sự khác.

[5.3] Đối với 01 gói đã được niêm phong, bên ngoài có ghi vụ số: 248/20 Q6, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Nguyễn Xuân Sang và Điều tra viên Nguyễn Minh Tấn. Bên trong có tinh thể không màu có tổng khối lượng 0,8228 gam; 01 cái bóp cá nhân màu đen, là vật cấm lưu hành, vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[5.4] Còn chiếc điện thoại di động vỏ màu hồng trắng, có ghi chữ Oppo đã được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Nguyễn Minh Tấn (Điều tra viên), Nguyễn Văn L và hình dấu Cơ quan điều tra Công an Quận 6 (bên trong chiếc điện thoại có 01 sim điện thoại số seri: 8401180792217961 GD) thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn L. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho bị cáo vì không đủ căn cứ xác định bị cáo đã hoặc sẽ dùng vào việc phạm tội.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 06/PNK ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 03/QĐ-VKS-Q6 ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/4/2020 của Công an Quận 6 - BL53, 89, 90)

[6] Đối với Lâm Quang Th, Viện kiểm sát xác định không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lâm Quang Th thì ngày 29/01/2020, Công an Phường 8, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã bàn giao cho Công an Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh lập hồ sơ xử lý theo thẩm quyền, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với người thanh niên mà bị cáo Nguyễn Văn L khai bán ma túy cho bị cáo, Cơ quan điều tra không xác định được lai lịch, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn L** phạm tội: «Tàng trữ trái phép chất ma túy».

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L** 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2020.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 67K1-770.95, số khung: RLCUE170KY-271866, số máy: E3T6E-402019 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius FI, sơn màu cam đen, dung tích 113).

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) gói đã được niêm phong, bên ngoài có ghi vụ số: 248/20 Q6, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Nguyễn Xuân Sang và Điều tra viên Nguyễn Minh Tấn. Bên trong có tinh thể không màu có tổng khối lượng 0,8228 gam; 01 (một) cái bóp cá nhân màu đen.

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) chiếc điện thoại di động vỏ màu hồng trắng, có ghi chữ Oppo đã được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Nguyễn Minh Tân (Điều tra viên), Nguyễn Văn L và hình dấu Cơ quan điều tra Công an Quận 6 và 01 (một) sim điện thoại có số seri: 8401180792217961 GD.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T đề nghị được nhận lại chiếc xe gắn máy biển số 67K1-770.95, số khung: RLCUE170KY-271866, số máy: E3T6E-402019 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius FI, sơn màu cam đen, dung tích 113). Nếu sau này phía ông C, bà T đòi số tiền mà ông, bà cho rằng đã đứng ra để thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn HD SS theo hợp đồng, thì ông, bà có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết ở vụ án dân sự khác.

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Nguyễn Văn L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn C, Trần Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên